

TÊN GỌI CỦA KITÔ GIÁO - MỘT VÀI SUY NGHĨ DƯỚI CÁI NHÌN THAM CHIẾU VIỆT-TRUNG

NGUYỄN THẾ NAM^(*)

Đặt vấn đề

Kitô giáo là một trong những tôn giáo lớn nhất thế giới hiện nay. Một hệ phái⁽¹⁾ của tôn giáo này phổ biến rộng rãi ở Phương Tây được gọi là Công giáo, cùng với hai hệ phái còn lại là Chính Thống giáo và đạo Tin Lành tỏa khắp thế giới theo những khu vực, thời điểm truyền giáo khác nhau, tạo nên một lịch sử khá phức tạp. Sự phức tạp này một phần được thể hiện ở diễn trình hình thành tên gọi của các hệ phái thuộc Kitô giáo và quá trình bản địa hóa các tên gọi ấy ở mỗi xứ truyền giáo mà nó đặt chân đến. Ở Việt Nam, đã có những nghiên cứu đề cập đến vấn đề này, như Nguyễn Nghị với *Tên gọi đạo Thiên Chúa ở Việt Nam*, đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6/2001; Trần Văn Toàn với *Đạo Thiên Chúa, đạo Gia Tô, đạo Cơ Đốc, đạo Công giáo? Nên gọi thế nào cho chính danh?* đăng Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4/2003; Nguyễn Xuân Hùng, *Về nguồn gốc và vấn đề tên gọi đạo Tin Lành tại Việt Nam*, đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3/2001,... Tên gọi của các hệ phái thuộc Kitô giáo đôi lúc vẫn còn gây khó khăn và lúng túng cho những người nghiên cứu và những người làm công tác quản lý nhà nước. Trên cơ sở kế thừa

những nghiên cứu đi trước và tư liệu lịch sử hiện có, bài viết này mong muốn làm rõ hơn vấn đề tên gọi của các tôn giáo thuộc Kitô giáo ở Việt Nam, đặc biệt là Công giáo (hay Thiên Chúa giáo), trong đó so sánh với cách gọi tên của người Trung Quốc.

1. Vài nét về lịch sử ra đời, định hình tên gọi

Ra đời ở Jerusalem vào thế kỉ I, dần có chỗ đứng trong nền chính trị khu vực phía Đông Đế quốc La Mã, nhưng phải đến thế kỉ IV dưới thời của Hoàng đế Constantine (306-337), Kitô giáo mới được công nhận là quốc giáo của La Mã. Để quản lí việc đạo trong toàn quốc, 5 trung tâm Giáo hội đã được hình thành, đó là Côngxtăngtinôplơ, Antiốt, Giêrudalem, Alếchxăngđri⁽²⁾ và La

*. NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Hiện Công giáo, đạo Tin Lành, Chính Thống giáo tồn tại như những tôn giáo lớn của thế giới. Chúng tôi sử dụng từ *hệ phái* với ý nghĩa truy nguyên tên gọi về một tôn giáo chung, tôn giáo khởi nguyên cho ba tôn giáo trên là Kitô giáo, hơn nữa, vào thời điểm khi mới ra đời, các tôn giáo này chưa có được vị thế tương đối độc lập và lớn mạnh như ngày nay. Người Trung Quốc gọi các tôn giáo này là những *phái lớn, hệ phái, nhánh lớn* (大派) thuộc Kitô giáo.

2. Cả 4 trung tâm này đều nằm ở khu vực phía Đông của Đế quốc La Mã, trong đó Alếchxăngđri ngày nay chính là thủ đô Istanbul của Thổ Nhĩ Kỳ.

Mã⁽³⁾, đứng đầu mỗi trung tâm này là một Tổng Giám mục. Tổng Giám mục ở Côngxtăngtinôplơ giữ quyền lãnh đạo 4 trung tâm Giáo hội phía Đông.

Đến năm 395, Đế quốc La Mã phân liệt thành hai bộ phận Đông và Tây, trong khi ở phía Đông, chính quyền vẫn tương đối ổn định, thì ở phía Tây, người Giécmanh dần thôn tính, thành lập nên các quốc gia của người Giécmanh. Vua và quý tộc các nước này đã nhanh chóng tiếp thu Kitô giáo, làm cho thế lực của Giáo hội càng lúc càng mạnh thêm. Tổng Giám mục ở La Mã tự xưng là Giáo hoàng và có tham vọng chiếm quyền lãnh đạo toàn bộ Giáo hội Kitô giáo. Một trong những dấu hiệu sớm nhất của mục tiêu này là năm 383, Kitô giáo được Đế quốc La Mã đổi tên thành *Catolica (Công giáo)*⁽⁴⁾. Theo nguyên nghĩa tiếng Latinh, Công giáo không phải là đạo chính thức (Official) của quốc gia hay của đế quốc mà có ý nghĩa toàn cầu (Universal), không phải là tôn giáo chỉ dành cho người Do Thái mà là tôn giáo của tất cả mọi người. Cuối thế kỉ V, Đế quốc Tây La Mã diệt vong, nhưng quốc gia La Mã vẫn được duy trì và dần trở thành trung tâm chi phối quyền lực của toàn bộ khu vực Nam Âu, Tây Âu và Bắc Âu.

Những xung đột và sự khác biệt về các mặt chính trị, xã hội, ngôn ngữ, văn hóa, truyền thống... của hai thế lực Đông - Tây đối lập đã tác động đến Kitô giáo, gây ra những cuộc tranh luận gay gắt, dẫn đến cuộc chia tách tôn giáo năm 1054. Phái phía Đông đề cao tính chính thống của mình, gọi là *Chính Thống giáo*,

phái phía Tây đề cao tính phổ quát, hướng đến tất cả mọi người, tự gọi mình là *Công giáo*. Công giáo đã thâm nhập vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, luân lí, pháp luật, học thuật, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật của xã hội Phương Tây, trở thành một thế lực có sức mạnh cả về tinh thần lẫn quyền lực, với trung tâm là thành phố La Mã (Roma).

Đến thế kỉ XVI, những cuộc cải cách tôn giáo tại khắp các vùng lãnh thổ của Châu Âu đã thu được những kết quả, thể hiện bằng việc ra đời của một số giáo phái mới thoát li ảnh hưởng của Tòa Thánh La Mã. Có 3 trung tâm cải cách lớn là: Đức (diễn ra từ năm 1517, do Martin Luther lãnh đạo); Thụy Sĩ (diễn ra từ năm 1518, do Ulrich Zwingli lãnh đạo, và được Jean Calvin tiếp nối); Anh (diễn ra từ năm 1518, khởi đầu từ quyết định không tuân phục Giáo hoàng La Mã của vua Henri VIII). Cuộc cải cách tôn giáo ở Anh đưa ra tên riêng cho giáo phái của mình là *Anh giáo (Anglicanism)*, và một nhánh *Thanh giáo (Puritanism)*. Các giáo phái có đặt những tên gọi khá đa dạng nhưng tất cả đều được phía Công giáo gọi chung là *Protestantism* (nghĩa là đạo

3. La Mã (Roma), là trung tâm chính trị của phần phía Tây Đế quốc La Mã. Năm 476, đế quốc này hoàn toàn bị thôn tính, Roma trở thành trung tâm của Công giáo Phương Tây, Giáo hoàng có quyền lực như vua của một vương quốc rộng lớn và có ảnh hưởng tới nền chính trị của nhiều quốc gia Châu Âu khác.

4. Tên gọi *Catolica* được Thánh Cyrillô vào cuối thế kỉ II đặt tên trong lúc đạo Kitô đang trong tình trạng bị bắt bớ và cấm đoán trên lãnh thổ Đế quốc La Mã. Dấu mốc năm 383 là thể hiện sự thừa nhận tên gọi này trong toàn đế quốc sau khi Kitô giáo đã có nhiều biến đổi. Sau này, từ *Công giáo* còn được dùng để chỉ các tín đồ, hay các thể chế gắn với Roma và quyền bính của giáo hoàng sau sự kiện chia tách năm 1054.

Chống đối, đạo Thệ phản)⁽⁵⁾. Những người theo các tôn giáo mới này chỉ tin vào Phúc Âm nên được gọi chung là tôn giáo Phúc Âm. Chữ *phúc âm* nghĩa là *tin lành* nên tôn giáo mới còn được gọi là *đạo Tin Lành*⁽⁶⁾.

Về sự định hình tên gọi, phải nói đến nguồn gốc xuất phát của Kitô giáo cùng quá trình truyền bá của nó. Kitô giáo kế thừa truyền thống của Do Thái giáo với việc tiếp thu hệ thống kinh điển và mô hình về một Đấng Sáng Thế tối cao. Từ cái nôi hình thành ở vùng Trung Đông, Kitô giáo ban đầu được truyền bá theo hai hướng: truyền bá trong vùng người Do Thái, và truyền bá cho những người “dân ngoại” mà trước hết là vùng đất của người Hy Lạp. Tiếp sau đó là những cuộc truyền đạo khó khăn cho tôn giáo mới này, thâm nhập vào những nền văn minh lớn của thế giới: tiến sang phía Tây với Văn minh Hy - La, truyền xuống khu vực Bắc Phi với Văn minh Ai Cập lâu đời, và có ảnh hưởng nhất định tới khu vực Văn minh Lương Hà ở phía Đông.

Trong quá trình phát triển của mình, Kitô giáo không tránh khỏi những va chạm với các nền văn minh khác, trong đó có yếu tố ngôn ngữ, mà một trong những biểu hiện là việc chuyển ngữ danh xưng *Messiah* (Chúa Cứu Thế theo tiếng Do Thái) thành *Christos* theo tiếng Hy Lạp. Từ ngôn ngữ của Hy Lạp, *Christos* dần được truyền bá rộng về các nước thuộc khu vực Tây Âu, và từ đây một lần nữa, nó có những chuyển đổi theo các ngôn ngữ bản địa. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra làm đau đầu các nhà thần học là có tới ba Đức Chúa trong một thể

duy nhất (tam vị nhất thể), vậy vị nào là Chúa Christos? Và Chúa Jesus đứng ở đâu trong ba vị trí đó? Thánh Phao Lô (St. Paul) có lẽ đã chấm dứt tình trạng này bằng việc xác lập đức tin Kitô giáo. Theo đó, ông cho rằng: Chúa Jesus là con của Thiên Chúa, đã xuống thế gian làm người, chịu nạn để chuộc tội tổ tông. Ba ngày sau, Ngài đã sống lại và lên Trời ngự bên hữu Chúa Cha Jehovah. Nhưng cũng theo quan niệm của Do Thái giáo truyền thống (được người Islam giáo tiếp thu để xây dựng lên Thượng đế Ala), Thiên Chúa (tức Chúa Cha) thiêng liêng vô hình, mà những thứ vô hình thì không thể mô tả, càng không thể đặt tên. Từ logic này có thể tạm hiểu: Đức Chúa Con hay chính là Chúa Jesus, là hiện thân của Thiên Chúa, và danh xưng Christos là chỉ về ông, gắn liền với Chúa Cha trong một thể, được gọi chung là Jesus Christ. Trong tiếng Anh, *Christos* được viết thành *Christian*, còn danh xưng *Catolica* không thay đổi nhiều bởi tên gọi này đã được *quy định về mặt ý nghĩa* khi được Giáo hội lựa chọn. Về cơ bản, hai thuật ngữ không có nhiều khác biệt trong việc chỉ về một chủ thể mà nó hướng tới, nhưng mỗi tên gọi lại nhấn mạnh vào một nội dung, hoặc một khía cạnh riêng của Kitô giáo⁽⁷⁾.

5. Xem thêm: Nguyễn Xuân Hùng, *Về nguồn gốc và vấn đề tên gọi đạo Tin Lành tại Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3/2001.

6. Theo: Vũ Dương Ninh, *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục, 2002.

7. Thiên Chúa giáo nhấn mạnh vào một Đấng được gọi là Thiên chúa, vị chúa độc nhất, đấng tạo hóa. Kitô giáo nhấn mạnh vào Đức Kitô, đấng cứu thế. Công giáo ám chỉ tới tính cách của tôn giáo này (Theo: Nguyễn Nghị, Khổng Thành Ngọc, Hoàng

Minh Thức, *Thiên Chúa giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh*, tr. 16).

Tuy vẫn còn những bất đồng về các tên gọi, nhưng có thể nhận thấy rằng, cho đến sau năm 1518, từ một nguồn cội duy nhất là Kitô giáo đã hoàn tất quá trình chia ra 3 hệ phái có nhiều khác biệt. Sự khác biệt ấy càng thấy rõ khi được xét trong điều kiện các tôn giáo này được truyền bá vào các nước Á Đông⁽⁸⁾.

Thiên Chúa giáo và đạo Tin Lành. Cụ thể là, *Cơ Đốc giáo* (基督教) phiên dịch từ “Christianity” trong tiếng Anh, chỉ tất cả những tôn giáo tin tưởng vào đấng cứu rỗi Giêsu Kitô, bao gồm *Thiên Chúa giáo*, *Chính Thống giáo*, *Tin Lành giáo*, *Anh giáo*. Nhưng tại Trung Quốc, *Cơ Đốc giáo* thường được dùng để chỉ “Protestantism” trong tiếng Anh, và được dịch thành *Tân giáo* (新教), tức *đạo Tin Lành*.

Nguyên nhân của những nhầm lẫn

TÊN TIẾNG VIỆT	TÊN TIẾNG ANH	TÊN TIẾNG TRUNG	ÂM HÁN VIỆT
Kitô giáo	Christianity	基督教 耶穌教	Cơ Đốc giáo Giátô giáo
Công giáo Thiên Chúa giáo	Catholicism	公教 天主教	Công giáo Thiên Chúa giáo
Tin Lành	Protestantism	新教 基督新教	Tân giáo Cơ Đốc Tân giáo
Chính Thống giáo Đông Phương	Eastern Orthodox	正教 东正教	Chính giáo Đông Chính giáo

Bảng đối chiếu tên gọi các hệ phái thuộc Kitô giáo⁽⁹⁾

2. Tính “Vấn đề” trong cách gọi tên: Từ lịch sử nghiên cứu đến cái nhìn tham chiếu Việt - Trung

1. Hiện nay, tại Trung Quốc, quan điểm cho rằng: “Kitô giáo (Christianity) chia thành ba hệ phái lớn: Thiên Chúa giáo, Tân giáo và Chính Thống giáo. Tên đầy đủ của *Thiên Chúa giáo* là *Giáo hội Thiên Chúa Rôma* (Roma Catholic Church), còn gọi là *Công giáo Rôma*, tên dịch âm là “*Ca-tô-lích giáo*”⁽¹⁰⁾ trở nên thông dụng. Để đi đến được sự nhất trí này là cả một quá trình dài nhầm lẫn trong việc tìm kiếm tên gọi, hoặc phiên dịch tên gọi từ ngôn ngữ Phương Tây. Có một số phiên dịch sang tiếng Trung danh xưng *Cơ Đốc giáo* đã nhầm lẫn với

này hẳn có nhiều, trong đó chúng tôi ngờ rằng người Á Đông không thật sự sẵn sàng trong việc tiếp nhận tên gọi của một tôn giáo mới khi mà năm 1517, Martin Luther khởi xướng cho việc hình thành đạo Tin Lành. Vào thời kì ấy, thế kỉ XVI, đạo Tin Lành dù phát triển rất nhanh nhưng vẫn chưa có chỗ đứng vững chắc ngay tại xã hội Phương Tây, trong khi những đoàn truyền giáo của tôn giáo phổ biến nhất Tây Âu là *Thiên Chúa giáo* đã sẵn sàng cho sứ mệnh của

8. Khái niệm *Các nước Á Đông* chúng tôi dùng để chỉ Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và bán đảo Triều Tiên.

9. Trong bảng đối chiếu, chúng tôi chỉ xin nêu ra một số tên gọi cơ bản được sử dụng phổ biến nhất hiện nay.

10. Trác Tân Bình. *Lí giải tôn giáo*, Nxb Hà Nội, 2007, tr. 347.

mình. Và lẽ dĩ nhiên, người Trung Quốc, Nhật Bản... chỉ biết đến những giáo sĩ Thiên Chúa giáo và tôn giáo của họ.

Lịch sử ghi nhận công cuộc truyền giáo tại Á Đông có những thịnh suy theo thời cuộc, việc đặt tên cho tôn giáo mới ngoài những yếu tố quyết định là dựa vào nguyên gốc tiếng Anh, tiếng Latinh, tiếng Bồ Đào Nha... còn phải tính đến yếu tố “quen tai” của người bản địa. Theo đó, chúng tôi cho rằng, có một sự tráo đổi tên gọi, hoặc gọi theo quen miệng, dẫn đến việc *Cơ Đốc giáo* mà người Trung Quốc gọi chính là *Cơ Đốc Tân giáo*, hay *đạo Tin Lành* theo cách gọi của người Việt.

Trên thực tế, ở Trung Quốc, *Cơ Đốc giáo* trước năm 1517 không phải là *đạo Tin Lành*, mà là *Thiên Chúa giáo La Mã*, bởi *đạo Tin Lành* thời kì này còn chưa ra đời; và *Cơ Đốc giáo* sau năm 1517 không phải là *Thiên Chúa giáo* mà là *đạo Tin Lành* (tức *Cơ Đốc Tân giáo* 基督新教, hay Tân giáo 新教), không biết đây là sự nhầm lẫn hay do cách hiểu riêng của người Trung Quốc?

Trở lại với vấn đề danh xưng: *Da-tô* (耶穌) là phiên âm từ chữ *Jesus*, nhân vật được xem là con của Thiên Chúa bắt tử, được Đức Mẹ Maria sinh ra, bị đóng đinh và chết trên Thập giá, sau đó sống lại, đem ánh sáng của Ngài để phán xét người sống, kẻ chết. *Cơ Đốc* (基督) là tên gọi tắt của *Cơ Lợi Tư Đốc* (基利斯督), dịch từ *Christ*, cũng chính là chuyển ngữ từ *Messiah* - Đấng Cứu Thế siêu nhiên, vô hình và toàn năng của Do Thái giáo. Hai

tên gọi này có khi kết hợp với nhau, và do đó, *Da-tô Cơ Đốc* (耶穌基督) cũng chính là Jesus Christ. Cách gọi tên này có ảnh hưởng khá lớn tới Việt Nam.

2. Tại Việt Nam, *vấn đề tên gọi* của Thiên Chúa giáo cũng đã từng gây ra nhiều khó khăn, trước hết là cho những giáo sĩ truyền giáo, sau đến là người dân Việt vốn bị phân tán thành những vùng địa lí thuộc quyền cai quản của những thế lực phong kiến cát cứ. Bên cạnh đó là chiều ảnh hưởng gần như liên tục về văn hóa đến từ Trung Hoa. Đây có thể là nguyên nhân chính dẫn đến sự phức tạp trong việc bản địa hóa tên gọi của tôn giáo này. Chính những hiểu lầm và những thói quen sử dụng tên gọi gây ra nhiều vấn đề được quan tâm, nghiên cứu.

Việc sử dụng các thuật ngữ Công giáo cho tới nay vẫn chưa hoàn toàn thống nhất ngay trong giới Công giáo Việt Nam. Ngay từ đầu, các Kitô hữu đã cố gắng thích nghi các thuật ngữ Công giáo Tây Phương vào Việt Nam, có thể nhắc tới một vài thuật ngữ như: *đạo Đức Chúa Trời Đất*, *đạo Chúa*, *đạo Đức Chúa Trời*, *đạo Thiên Chúa*. Trong đó cụm từ *đạo Đức Chúa Trời Đất* dùng chỉ tôn giáo này khi mới được đưa vào xã hội Việt Nam. Từ đó trở đi, giới Công giáo sử dụng cụm từ này, hoặc gọi tắt là *đạo Chúa*, *đạo Đức Chúa Trời*. Sách *Phép giảng tám ngày* sử dụng khoảng 100 lần cụm từ *Đức Chúa Blời Đất*. Majorica cũng dùng nhiều lần hai cụm từ *Đức Chúa Trời* và *Thiên Chúa* trong các tác phẩm của ông. Giáo hội Công giáo Việt Nam lúc đầu cũng dùng nhiều nhất là cụm từ *Đức Chúa Trời*, *Thiên Chúa*, để chỉ Đấng Tối Cao, hoặc

cụm từ *đạo Đức Chúa Trời, đạo Thiên Chúa*. Ngoài ra, cũng phải ghi nhận rằng, người ngoài Công giáo còn sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để gọi đạo Thiên Chúa. Các thuật ngữ này được hình thành trong suốt các thế kỉ XVII-XIX, mà phổ biến nhất là những tên gọi: *đạo Hoa Lang, đạo Portuguese, đạo Pha Lang...*

Vấn đề tên gọi bị bỏ mặc khá lâu cho những hiểu lầm trước khi được giới nghiên cứu quan tâm lí giải. Ngoài những nghiên cứu có chút đề cập đến tên gọi của Kitô giáo ở Việt Nam, chúng tôi chú ý nhiều đến hai bài viết của Nguyễn Nghị và Trần Văn Toàn. Dù viết về tên gọi Thiên Chúa giáo ở Việt Nam, nhưng các tác giả đã đề cập đến yếu tố Trung Hoa như một sự thừa nhận ảnh hưởng từ nền văn hóa này đối với Việt Nam.

Nguyễn Nghị sau khi phân tích diễn trình hình thành các tên gọi của Kitô giáo đã đi đến nhận định cho rằng, ở Việt Nam *Thiên Chúa giáo, Công giáo, Kitô giáo* thường được dùng lẫn lộn⁽¹¹⁾. Các văn kiện nhà nước thường dùng tên gọi Thiên Chúa giáo, trong khi các tổ chức hành chính, báo chí⁽¹²⁾ lại sử dụng từ *Công giáo*. Ông cũng cho rằng, các tên gọi có thể vẫn tiếp tục được sử dụng theo thói quen, và phải hiểu rõ nội dung chính yếu của từng tên gọi được sử dụng.

Trần Văn Toàn có một nghiên cứu khá công phu về vấn đề tên gọi của Kitô giáo, một trong những mối quan tâm của ông là tính “chính danh” trong cách gọi tên về đạo Thiên Chúa ở Việt Nam khi mà hiện còn quá nhiều tên gọi như: *đạo Đức Chúa Trời, đạo Giatô, đạo Cơ Đốc, đạo Hoa Lang, đạo Khirixitô, đạo Kitô* rồi

đạo Công giáo⁽¹³⁾. Tương tự như Việt Nam, cách gọi tên đạo Thiên Chúa của người Trung Hoa cũng rất lúng túng, nhất là khi người ngoại đạo đặt tên cho nó. Theo đó, vấn đề tên gọi nảy sinh trong quá trình truyền giáo, không chỉ bởi sự bất đồng về ngôn ngữ, mà còn nảy sinh trong nội tại cách đặt tên. Một tôn giáo có thể có nhiều cách gọi, ví dụ đạo Môhamét (gọi tên vị giáo tổ) còn được gọi là đạo Hồi hồi, hay Hồi giáo (vì là tôn giáo mà người dân tộc Hồi theo đông), lại cũng có tên là đạo Islam (tên chỉ thái độ tuyệt đối quy phục Thiên Chúa); còn đạo do giáo tổ Giêsu, có biệt hiệu là Christos, thì được người Châu Âu gọi là Christianisme (viết theo tiếng Pháp); người Trung Hoa có hai tên gọi: gọi theo tên vị giáo tổ là 耶穌 (Yē sū), đọc theo kiểu Hán - Việt là đạo *Giatô* (Da-tô); gọi theo biệt hiệu phiên âm là 基利 斯 督 (Jī lì sī dū), đọc theo kiểu Hán - Việt là *Cơ Lợi Tư Đốc*, gọi tắt là đạo *Cơ Đốc*, còn ở Việt Nam thì ngay từ buổi đầu đã phiên âm là đạo *Khirixitô* hay *Kirixitô*, gọi tắt là *Kitô*.

3. Nếu cứ hiểu như vậy thì vấn đề có vẻ sẽ trở nên khá đơn giản. Tuy nhiên, còn nhiều hơn thế, những yếu tố liên quan đến tên gọi của Kitô giáo đem lại bởi một diễn trình truyền giáo phức tạp và lâu dài tại Á Đông. Trên cơ sở thu thập từ nhiều nguồn tư liệu và khảo sát các nghiên cứu đã được công bố hoặc

11. Nguyễn Nghị, *Tên gọi đạo Thiên Chúa ở Việt Nam*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6/2001.

12. Có thể kể đến như: Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam, báo *Công giáo và Dân tộc*, báo *Người Công giáo Việt Nam...*

13. Trần Văn Toàn, *Đạo Thiên Chúa, đạo Gia Tô, đạo Cơ Đốc, đạo Công giáo? Nên gọi thế nào cho chính danh?*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4/2003.

công nhận, có thể nêu ra một số vấn đề cần được giải quyết sau đây:

- Yếu tố nội sinh của các dân tộc trong việc đặt tên cho tôn giáo mới, sự áp đặt mang tinh thần cầu thị của các nhà truyền giáo, và vai trò của người Trung Hoa và người Nhật Bản trong việc định hình các tên gọi.

- Vấn đề thứ hai là trong bối cảnh phức tạp của buổi đầu truyền giáo, đâu là ngôn ngữ Châu Âu chính được sử dụng trong hàng các giáo sĩ?

- Vì sao các tên gọi đó lại được lựa chọn? Và nội dung chính yếu của các tên gọi đó?

- Đã từng có rất nhiều các tên gọi chỉ Kitô giáo trong buổi đầu đặt chân đến khu vực, vậy liệu có thể thực hiện được sự phân kì các tên gọi đó?

- Ba thuật ngữ “đạo”, “giáo”, “tôn giáo” có ý nghĩa như thế nào khi đem gắn với các tên gọi Kitô giáo, và điểm chung, điểm khu biệt giữa ba thuật ngữ đó là gì?

Hiện chúng tôi chưa thể thống kê các tên gọi về Kitô giáo tại các quốc gia trong khu vực để có sự so sánh, nhưng nếu đối chiếu với Trung Hoa, ta sẽ thấy dường như người Việt Nam tỏ ra trội hơn trong việc sử dụng nhiều từ ngữ để chỉ tôn giáo này. Có tình trạng này là do ngoài việc tiếp thu các từ ngữ chỉ tên tôn giáo của các giáo sĩ, người Việt Nam còn tiếp nhận các tên gọi đến từ Trung Quốc bên cạnh việc tự đặt tên cho tôn giáo mới. Có thể dựa vào đặc điểm

ngôn ngữ và thời điểm xuất hiện để tạm tách ba nhóm tên gọi trên:

- Nhóm tên gọi xuất phát từ phía các giáo sĩ: Một số người viết du kí cùng nhiều giáo sĩ Châu Âu tỏ ra khá ngưỡng mộ nền văn hóa Việt Nam⁽¹⁴⁾ khi họ đặt chân tới *các quốc gia của người An Nam*. Ngoài việc buôn bán, tích cực giới thiệu thành tựu văn minh Phương Tây, họ còn truyền bá ngôn ngữ và tôn giáo. Những giáo sĩ Châu Âu với trình độ học vấn cao còn tích cực học ngôn ngữ bản địa, học chữ Hán, Nôm⁽¹⁵⁾, ghi lại tiếng Việt theo kí tự Latinh. Về việc gọi tên tôn giáo của mình, có vẻ như các giáo sĩ thích sử dụng tiếng Việt hơn, bằng chứng là một số tên gọi khá thuần Việt đã ra đời: *đạo Đức Chúa Trời (Blời)*, *đạo Đức Chúa Trời (Blời) Đất*, *đạo Khi-xi-tăng*,...

- Nhóm tên gọi nhập nội từ Trung Hoa: Ngoài từ thuần âm Hán - Việt là *Công giáo* xuất hiện khá muộn và còn gây nhiều nghi ngại trong việc xác định thời điểm hình thành, các tên gọi *Thiên Chủ giáo (Thiên Chúa giáo)*, *Đa-tô Cơ Đốc giáo*... ra đời khá sớm. Theo chúng tôi, các từ này được nhập nội từ Trung Hoa bởi tính thuần Hán và những ghi chép khá sớm thể hiện sự xuất hiện của chúng trong các ấn phẩm từ Trung Quốc đưa sang.

14. Xem thêm: William Dampier, *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*, Nxb. Thế giới, 2007; J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, Nxb. Thế giới, 2008; Jean - Baptiste Tavernier, *Tập du kí mới và kỉ thú về vương quốc Đàng Ngoài*, Nxb. Thế giới, 2005; Cristophro Bori, *Xứ Đàng trong năm 1621*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.

15. Các giáo sĩ Châu Âu khá tha thiết với việc sử dụng chữ Nôm để dịch Kinh sách Thiên Chúa giáo ra tiếng Việt, chứng minh cho mục tiêu của họ là hướng tới quần chúng. Không ít giáo sĩ tự dịch số

kinh sách này, số khác là những trí thức bản địa, hoặc theo Nho, hoặc theo Phật, chính những người này là trung gian để vừa đưa Thiên Chúa giáo đến quần chúng, vừa đưa nó thâm nhập vào tầng lớp trí thức, trung lưu và thượng lưu trong xã hội phong kiến nước ta.

- Nhóm tên gọi nội sinh khá đa dạng và thường thể hiện sự kì thị nhất định của người Việt đối với Kitô giáo. Các tên gọi đó, theo chúng tôi có thể là: *đạo Hoa Lang, đạo Portugê, đạo Pha Lang, Tây Dương Gia-tô, Tả đạo...* Có nhiều nguyên nhân gây ra sự kì thị trên, như do không hiểu nhau về văn hóa, do mưu đồ chính trị, sự nghi ngại của các thế lực phong kiến cát cứ, hoặc sự ích kỉ và hà khắc, ít nhiều đã có trong tư tưởng người Việt, trước hết là của những nhà Nho với một tôn giáo không khuyến khích việc thờ cúng ông bà tổ tiên.

Vai trò của người Hoa và người Nhật trong công cuộc nhập nội Thiên Chúa giáo vào Việt Nam là khá quan trọng. Nhiều ghi chép cho thấy, bên cạnh đội ngũ thầy giảng và linh mục, thì số kiều dân đến từ hai quốc gia này tham gia truyền bá Thiên Chúa giáo vào nước ta khá đông⁽¹⁶⁾. Đáng tiếc là tại Hội An, hầu hết số người Nhật phải bỏ đạo (quá khóa) và nếu con cháu của họ còn tồn tại thì cũng đã bị Việt hóa để hòa vào đời sống Việt.

Về việc xác minh ngôn ngữ chính được các giáo sĩ sử dụng khi truyền giáo tại Việt Nam cần có những thống kê số lượng giáo sĩ đến từ Châu Âu. Có một điểm chung là những giáo sĩ này đều phải học tiếng Latinh, ngôn ngữ làm nền tảng chính cho sự ra đời của các ngôn ngữ Châu Âu. Chính thứ ngôn ngữ này sau đó vô tình đã trở thành một thành tố tạo nên chữ Quốc ngữ. Tiếng Latinh

ngoài vai trò làm ngăn lại khoảng cách giữa người đi truyền giáo với người được học đạo, còn có tác dụng ghi lại những âm đọc của tiếng Việt không còn tồn tại từ nhiều thế kỉ.

Việc lựa chọn các từ ngữ khác nhau để gọi tên các tôn giáo thuộc Kitô giáo được thực hiện dựa trên hai tiêu chí: *âm đọc* và *phiên dịch từ ý nghĩa của tên gọi gốc*. Dựa vào cách này, ta có thể xác minh được một cách tương đối thời điểm ra đời của các thuật ngữ: Những tên gọi hình thành dựa trên âm đọc ra đời trước những tên gọi dựa trên việc phiên dịch ý nghĩa tên gọi gốc Âu. Nguyên nhân của tình trạng này cần phải có thời gian để hai nền văn minh tìm được tiếng nói chung, việc phiên dịch ý nghĩa các tên gọi gốc Âu đòi hỏi người dịch phải có một nền tảng nhất định về Kitô giáo. Ta có thể kết hợp cách này với việc khảo sát các văn bản ghi chép đã xác định được niên đại của các giáo sĩ, giáo dân cùng với việc xác định những từ cổ trong văn bản để tiến hành phân kì lịch sử hình thành tên gọi.

Việc lí giải sự hình thành các tên gọi, cũng như xác định nội dung chính yếu của các tên gọi đó cần nhiều thời gian và tâm huyết. Với những khảo sát bước đầu, chúng tôi tạm thời tập hợp, đưa ra một số kiến giải dựa trên sự đối chiếu Việt-Trung:

- Đạo Hoa Lang (化郎道): Tên gọi này có từ thế kỉ XVII, theo Trần Văn Toàn, các sách *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đều có nhắc tới. Sách *Đại Việt sử ký*

toàn thư viết: “Mùa đông tháng 10 (1663), cấm người trong nước học đạo Hoa Lang.

16. Người Nhật đến Hội An các năm 1587, 1596, 1614 do những cuộc cấm đạo trong nước Nhật. Họ cùng với người Hoa sống tập trung trong hai khu riêng biệt tại Hội An, mỗi khu có một bang trưởng cai quản.

Trước đây người nước Hoa Lang vào nước ta, lập đạo lừa phỉnh dân ngu, dàn ông đàn bà ngu dốt nhiều người tin mộ, chỗ nhà giảng người ở hỗn tạp, trai gái không phân biệt. Trước đã đuổi người giảng đạo đi rồi, mà sách vở nơi giảng hãy còn thối tệ chưa đổi. Đến nay lại nghiêm cấm⁽¹⁷⁾.

Có nhiều cách giải thích cho sự ra đời tên gọi này. Có người cho rằng, đó là tên đặt cho các lái buôn Phương Tây chở những thứ vải có hoa văn như hoa khoai lang, những người theo đạo Thiên Chúa được gọi là *Hoa Lang đạo*, vì giữ một đạo như lái buôn ấy. Philippe Langlet viết: “Trong *Minh sử, Ngoại quốc truyện*, có gọi họ là Hoa Lan, họ là người Phương Tây mà dân tôi gọi trại đi là Hoa Lang”. Và ông ghi chú rằng, đó không thể là Hòa Lan được, nhưng là người Bồ Đào Nha, căn cứ theo lá thư của giáo sĩ Le Royer viết năm 1714 về vụ cấm đạo năm 1712, như sau: “Cũng như trước đây, sắc lệnh cấm đạo không bao giờ gọi tên là đạo Đức Chúa Trời, nhưng đã cấm đạo dưới cái tên là đạo Hoa Lang, tức là đạo của người Bồ Đào Nha⁽¹⁸⁾.”

- Da-tô (耶穌): Sách *Chân đạo yếu lý*⁽¹⁹⁾ viết: “Bằng tiếng Da-tô kẻ ghét đạo quen dùng, thật là tiếng vô nghĩa trong nước An Nam, vì kẻ đọc tiếng ấy cứ về chữ Nho, song người Đại Minh đọc tiếng ấy

là Jêsu như bốn đạo An Nam quen đọc, mà trong các sách đạo đã cắt nghĩa rằng: “Tiếng Jêsu nghĩa là Đấng hay cứu”. Nếu đọc hai chữ này theo âm đọc của người Trung Quốc thì không sai khác nhiều âm đọc của ngôn ngữ gốc (Jêsu), nhưng khi đọc sang âm Hán - Việt thì đã khác sai đi nhiều”. Ghi chép này chứng tỏ tên gọi Da-tô được nhập nội từ Trung Quốc trước năm 1828.

- Thiên Chúa giáo (天主教): Tên gọi này được người Trung Quốc đặt ra căn cứ vào cách phiên dịch của các giáo sĩ truyền đạo Da-tô (耶穌) vào cuối thời Minh, truy nguyên sâu xa của tên gọi ấy lấy từ một câu cổ ngữ: “至高莫若天, 至尊莫若主” chỉ cao mạt nhược thiên, chí tôn mạt nhược chủ (cao nhất không gì bằng Trời, tôn quý nhất không gì bằng Chúa). Tên gọi này có thể đã xuất hiện và sử dụng rộng rãi vào cuối thời Minh trong thời kì truyền giáo của Matteo Ricci (1552 - 1610). Một số lượng sách vở nhất định do vị giáo sĩ này cùng các cộng sự của ông đã được truyền vào nước ta ngay từ thời kì này⁽²⁰⁾. Người Việt đọc cụm từ 天主教 là *Thiên Chúa giáo*, gọi Đức Jêsu là *Chúa Giêsu* có lẽ vì vào thời kì tên gọi này được đưa đến nước ta, các chúa Trịnh, Nguyễn là những người có thực quyền; việc gắn tên gọi với một đấng quân chủ tối cao (vua trên trời) thể hiện tính chất tự đề cao của tín đồ Kitô giáo.

17. *Đại Việt sử ký toàn thư, Quyển XIX, Huyền Tông Mục hoàng đế*, Tập III, bản dịch, Nxb. KHXH, 2009, tr. 321.

18. Philippe Langlet, *Truyền thống Việt Nam: Một quốc gia trong lòng văn hoá Trung Hoa*. Dẫn theo: Trần Văn Toàn, *Đạo Thiên Chúa, đạo Gia Tô, đạo*

Công giáo? Nên gọi thế nào cho chính danh?, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4/2003.

19. 真道要理 (*Chân đạo yếu lý*), bản chữ Nôm, do Giám mục Jacques Longier Gia soạn năm 1828 và in năm 1829.

20. Hai cuốn sách giáo lý viết bằng tiếng Hán: *Thiên Chúa thực lục* của Minh Kiên (M.Ruggieri), xuất bản ở Phúc Kiến năm 1584 và *Thiên Chúa thực nghĩa* của Lợi Mã Đậu (M.Ricci), xuất bản ở Quảng Châu năm 1603.

- Công giáo (公教): Chữ *công* (公) trong *Giáo hội Công giáo* (公教会) khởi nguyên từ chữ “Catholicus” trong tiếng Latinh, nghĩa là “phổ biến”, phiên dịch thành “công” trong tiếng Trung là lấy ý từ “天下为公” (thiên hạ vi công), vì tín đồ Thiên Chúa giáo cho rằng, chỉ có Giáo hội Thiên Chúa mới là “toàn thế giới”, “tất cả”, “đại chúng”. Những tín hữu Cơ Đốc lựa chọn tên gọi này là vì họ cho rằng, Giáo hội ban đầu của họ mở rộng cho tất cả mọi người, chứ không đặc định cho riêng một dân tộc, giai cấp, hoặc tông phái nào. Thời kì đầu của Cơ Đốc giáo, chữ “công” mang một ý nghĩa bình thường, nhưng trong quá trình phát triển của lịch sử, nó dần có sự thay đổi về mặt ý nghĩa, và cuối cùng thuật ngữ *Giáo hội Công giáo* (公教会) trở thành sở hữu riêng của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã về mặt pháp lí. Tương tự như vậy, chữ “chính” (正) trong “Chính giáo”, “Chính Thống giáo”, “Đông Chính giáo” mới đầu cũng mang một ý nghĩa văn tự bình thường, nhưng sau lại trở thành sở hữu riêng của Chính Thống giáo.

Thuật ngữ *Công giáo* sở dĩ được chấp nhận, và có lẽ là nguyên nhân cho phát triển đạo tại Đông Á, vì nó tự thân đã có một sức mạnh. Nếu đem so sánh nó với thuật ngữ *Thiên Chúa giáo*, hay *đạo Hoa*

Lang... ta sẽ thấy có cảm tình với *Công giáo* hơn nhiều! Nếu đặt trong bối cảnh phong kiến căng thẳng thì vấn đề còn phức tạp hơn khi mà quyền lực của vua lại bị cạnh tranh bởi một “chúa/chủ” nào đó. Không những vậy, thuật ngữ *Công giáo* còn giúp cho tôn giáo mà nó chỉ tới được trở về với bản nguyên giá trị khi sinh ra: tôn giáo của mọi người. Hai từ *Công giáo* có lẽ xuất hiện vào khoảng đầu thế kỉ XX, và ngày càng được sử dụng một cách thông dụng.

Theo Linh mục Đỗ Quang Chính⁽²¹⁾, khi ba giáo sĩ đầu tiên đến Cửa Hàn⁽²²⁾ ngày 18/1/1615 truyền giáo chưa ai biết tiếng Việt. Các ông phải giảng đạo qua thông dịch viên, và có lẽ chính các thông dịch viên (thường là người Hoa, đôi khi là người Nhật) đã gọi tôn giáo mới là *đạo Hoa Lang*. Trong cụm từ này thì *đạo* mang một ý nghĩa chung, chỉ một tôn giáo nào đó, từ *Hoa Lang* thì ngược lại gây ra nhiều vấn đề nhầm lẫn, vì nó có âm đọc gần giống tên nước Hà Lan, một quốc gia nhỏ bé mới tách khỏi sự bảo hộ của Tây Ban Nha và không đại diện cho sức mạnh Tây Âu. Để tránh tình trạng này, đồng thời nêu cao tinh thần của tôn giáo mình, các giáo sĩ cần tìm ra một cái tên mới của đạo. Và Kitô giáo, do đó, có thể còn có những cách gọi tên sau: *Khixităng*, *đạo Chúa Đêu*, *Thiên*, *Ngọc Hoàng*, *Thượng Đế*, *Thiên Chủ*,...

- Khixităng: Trong trường hợp những giáo sĩ truyền giáo không biết tiếng Việt, họ hoàn toàn có thể dùng nguyên ngôn ngữ của nước họ, hoặc một thứ ngôn ngữ thông dụng khác để nói về tôn giáo đó. Như trường hợp Thiên Chúa giáo sẽ vẫn

được gọi là Christian, với từ này các giáo sĩ có thể sẽ phiên âm dưới dạng kí tự Latinh là *Khixităng*.

- Đạo Chúa Dêu (Deus): *Deus* là danh từ Bồ Đào Nha, có rất nhiều dấu vết của

21. Đỗ Quang Chính, *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615-1773*, Nxb Tôn giáo, 2008.

22. Thuộc Đà Nẵng ngày nay.

từ này trong các văn bản kinh sách Công giáo chữ Hán Nôm. Ở dạng chữ Nôm, *Dêu* thường được viết là *Diêu* (𡇗), có khi còn được đọc là *Dêu xót*.

- Thiên, Ngọc Hoàng, Thượng Đế, Thiên Chủ: Những thuật ngữ này đều có thể đã được dùng để chỉ tôn giáo mới bởi chúng đáp ứng được tiêu chí chỉ mức độ uy quyền của đạo.

- Đạo Bà Fé, đạo Bà Cho: Đây là hai tên gọi xuất hiện ở một vài địa phương ở Việt Nam, gắn liền với đối tượng truyền giáo. Việc đặt tên theo cách này cũng khá thường thấy, như trường hợp người Campuchia đặt tên cho Thiên Chúa giáo là *đạo An Nam*.

- Ngoài những tên gọi nêu trên, người Việt còn dùng hai từ *Lương - Giáo* để phân biệt người không theo Công giáo với người theo Công giáo. Khái niệm *người có đạo, giáo dân* cũng thường là một cách nói khác chỉ những người theo Công giáo.

3. Thuật ngữ “Thiên Chúa giáo” tại Trung Quốc và “Công giáo” tại Việt Nam

Cho đến nay, tại Trung Quốc và Việt Nam, hai thuật ngữ *Thiên Chúa giáo* và *Công giáo* vẫn được dùng lẫn lộn để chỉ cùng một tôn giáo, tên đầy đủ của các

tên gọi này sẽ là *Thiên Chúa giáo La Mã*, hoặc *Công giáo La Mã*. Tuy nhiên, theo khảo sát bước đầu của chúng tôi, người Trung Quốc thích dùng tên gọi *Thiên Chúa giáo*, trong khi đó người Việt Nam hiện nay đang nghiêng theo hướng ưu tiên dùng tên gọi *Công giáo*. Như đã trình bày, thuật ngữ *Thiên Chúa giáo* xuất hiện khá sớm tại Trung Quốc, còn *Công giáo* xuất hiện muộn hơn. Hiện vẫn chưa thể khẳng định được thuật ngữ *Công giáo* ra đời từ khi nào? Chúng tôi vẫn thiên về giả thuyết cho rằng, thuật ngữ này được dùng để phiên dịch chữ *Catolica*, và người chọn từ *Công giáo* phải là người có trình độ nhất định về tôn giáo này.

Tên gọi *Công giáo* ngoài việc thể hiện được rõ hơn bản chất ý nghĩa của tôn giáo này, còn tạo một mối thiện cảm nhất định từ phía người nghe, nhất là với một chính thể vừa mới lật đổ chế độ thực dân phong kiến để giành lấy chính quyền. Bên cạnh đó, cũng phải thấy rằng, việc dùng thuật ngữ *Công giáo* để dần thay thế *Thiên Chúa giáo* cũng có nghĩa là thể hiện sự khác biệt tương đối giữa Kitô giáo tại Việt Nam với Kitô giáo tại Trung Quốc. Chúng tôi tạm sử dụng khái niệm *tính trội văn hóa*, và *sức chống cự văn hóa* để lí giải một số khác biệt mang tính bản địa về vấn đề tên gọi:

Cũng giống như Phật giáo⁽²³⁾, Kitô giáo khi mới được truyền bá vào Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản... được gọi bằng nhiều tên gọi khác nhau. Những tên gọi xuất phát từ Việt Nam cũng dần bị thay thế bởi các tên gọi do người Trung Quốc đặt ra, và như vậy người

Việt Nam dùng tên gọi *Thiên Chúa giáo*, *Cơ Đốc giáo*, *Công giáo* theo cách gọi

23. Theo khảo sát, có khoảng trên 17 tên gọi khác nhau chỉ Phật giáo khi tôn giáo này truyền bá đến Việt Nam, Trung Quốc, như: Phật giáo, Bụt, Bụt Đà, Phổ Đà, Phật Đà, Phù Đô, Bồ Đề... nhưng cuối cùng *Phật giáo*, cách gọi tên của người Trung Quốc vẫn thắng thế và được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam, tên gọi *Bụt* chỉ còn được biết tới trong những câu chuyện dân gian, và không mấy người nghĩ rằng, đó lại là tên gọi chỉ Phật giáo.

của người Trung Quốc⁽²⁴⁾. Đây có thể tạm gọi là *tính trội văn hóa* của nền Văn minh Trung Hoa đã gây ảnh hưởng tới Việt Nam, dù đó có thể chưa hẳn đã là ảnh hưởng tích cực. Sang đến thời đại Hồ Chí Minh, vấn đề tên gọi của Kitô giáo gắn liền với vấn đề củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tên gọi *Công giáo* trong bối cảnh đó là một lựa chọn tối ưu cho những đoàn thể Công giáo, nơi tập hợp những người Công giáo ủng hộ quyền lợi của dân tộc. Chúng tôi tạm gọi hiện tượng này là *lực đẩy văn hóa* của một nền văn hóa đang muốn khẳng định mình.

Với trường hợp tên gọi *Tin Lành* được sử dụng ở Việt Nam trong khi người Trung Quốc vẫn sử dụng tên gọi *Cơ Đốc giáo*, có thể thấy rằng, đạo Tin Lành được đưa vào Việt Nam gần như cùng thời điểm khi nó được đưa vào Trung Quốc. Trong khi người Trung Quốc vẫn còn nhầm lẫn với việc gọi tên hệ phái Kitô giáo này thì người Việt Nam lại tìm ra một tên gọi hợp lí: *Tin Lành*. Chữ *Tin Lành* có thể được dịch từ chữ *Phúc âm* trong tiếng Hán, nhưng tại sao người Hán không dùng hai chữ *Phúc âm* để gọi tên hệ phái tôn giáo mới? Có thể đặt ra giả thuyết với hai nguyên nhân: Một là,

người Trung Quốc chưa kịp cập nhật về sự hình thành một hệ phái Kitô giáo mới tại Phương Tây, dẫn đến không phân biệt được sự khác biệt giữa Kitô giáo nguyên thủy với Tôn giáo cải cách (Tin Lành); Hai là, sự bảo thủ của người Trung Quốc khi tiếp nhận tôn giáo mới, kết quả họ

không nghĩ đến việc đặt tên cho tôn giáo mới, và do đó, họ dùng tên gọi *Thiên Chúa giáo* để phân biệt với *Cơ Đốc giáo*, *Cơ Đốc Tân giáo* (Tin Lành). Trong hai giả thuyết này thì giả thuyết thứ hai tỏ ra hợp lí hơn. Nếu xét về bản chất của tôn giáo mới⁽²⁵⁾ thì cách lựa chọn của người Trung Quốc không phải không có những điểm hợp lí.

Tuy đã có sự phân biệt, khu biệt các thuật ngữ chỉ tên gọi của các tôn giáo thuộc Kitô giáo, nhưng ở Trung Quốc và ngay cả Việt Nam vẫn còn nhiều nhầm lẫn trong việc sử dụng các tên gọi đó. Người theo đạo Tin Lành ở Việt Nam đôi khi vẫn tự gọi mình là *Cơ Đốc nhân*, còn tên gọi *Thiên Chúa giáo*, *đạo Thiên Chúa* vẫn được nhiều người Việt Nam sử dụng. Những nhầm lẫn này do thói quen sử dụng tên gọi gây nên, và có đôi chút khó khăn cho người nghiên cứu, cũng như người ngoại đạo trong việc tìm hiểu về Kitô giáo./.

24. Chúng tôi dùng khái niệm *cách gọi của người Trung Quốc* vì các tên gọi này xuất xứ từ Trung Quốc, còn tên gọi do cụ thể ai đặt ra thì xin bàn sau. Về điểm này, theo Trần Văn Toàn, các giáo sĩ chọn dùng tên gọi *Thiên Chủ* (hay Thiên Địa Chân Chủ) cho tôn giáo của họ để tránh hiểu lầm với các vị thần trong các tôn giáo khác, cũng như những nghi ngại của hoàng đế về ý tứ chỉ đến vương vị của ông ta. Vì

các giáo sĩ đều thuộc phái Catolica, nên tôn giáo của họ còn được gọi là *Công giáo*. Bởi vậy, hai tên gọi này được dùng để chỉ cùng một tôn giáo.

25. Xét về bản chất, đạo Tin Lành chủ trương giản tiện các lễ nghi, đối tượng và cách thức thờ phụng, chỉ tin vào Kinh Thánh, không lệ thuộc vào Giáo hoàng và Tòa Thánh La Mã,... tức là có những điểm khá gần với Kitô giáo nguyên thủy.